TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 38/2024/DS-ST
Ngày: 02/7/2024.
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lường Văn Tình.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Đức Hòa.
2. Ông Phạm Thành Đô.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên toà: Bà Mai Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 244/2023/TLST – DS ngày 24 tháng 11 năm 2023, về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2024/QĐXXST-DS, ngày 22/5/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1960.
Nơi cư trú: Khu Đ, thị trấn Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. (Xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Vợ chồng ông Lê Tuấn P, sinh năm 1979 bà Nguyễn Thị Bé G. (Vắng mặt)
Nơi cư trú: Khu Đ, thị trấn Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/8/2023, lời khai trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Phạm Thị T trình bày: Bà quen biết vợ chồng ông Lê Tuấn P bà Nguyễn Thị Bé G cùng sinh sống tại địa phương. Do ông P bà G cần tiền để làm ăn nên ngày 24/12/2014 có vay của bà số tiền 100.000.000đ, thỏa thuận lãi suất là 2%/ tháng, thời hạn trả là ngày 24/12/2015. Khi vay các bên có làm giấy tờ vay rồi ông P bà G ký nhận, giấy vay được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản.

Quá trình thực hiện hợp đồng giữa hai bên: Theo bà nhớ ông P bà G đã trả được một thời gian đến khoảng tháng 7/2016, sau đó không tiếp tục trả lãi. Khi trả tiền lãi thì bà tự viết ghi chú vào mặt sau giấy vay do bà giữ. Về trả tiền gốc ngày 26/02/2016 ông P bà G trả được 20.000.000đ và ngày 11/6/2017 trả được 40.000.000đ, tổng cộng là 60.000.000đ. Khi trả tiền gốc bà G ghi nội dung trả vào giấy vay do bà giữ. Số tiền còn lại nêu trên bà đã nhiều lần yêu cầu trả nhưng ông P bà G không thực hiện nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông P bà G trả lại cho bà số tiền vay gốc còn lại theo giấy vay ngày 24/12/2014 là 40.000.000đ, ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định, nhưng không gửi ý kiến cho Tòa án, không tham gia các buổi làm việc và xét xử.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện B phát biểu ý kiến: Về tố tụng Tòa án thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền, đảm bảo thủ tục tố tụng; Về nội dung, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc trả số tiền gốc còn lại và phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả trông luận phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết nguyên đơn có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, việc làm đơn của đương sự là tự nguyện. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trả số tiền gốc 40.000.000đ còn lại:

Hội đồng xét xử nhận thấy, căn cứ tài liệu "Giấy vay tiền" ngày 24/12/2014 do nguyên đơn giao nộp thể hiện: Ngày 24/12/2014 ông P bà G vay của bà T số tiền 100.000.000đ, thỏa thuận thời hạn trả là ngày 24/11/2015, lãi suất là 2%/ tháng, giấy vay có chữ ký, chữ viết của ông P bà G. Như vậy thể hiện hợp đồng vay giữa hai bên là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi suất.

Về quá trình thực hiện hợp đồng: Căn cứ nội dung ghi dưới mục giấy vay nêu trên, hội đồng xét xử nhận thấy nội dung giao dịch thể hiện ngày 26/02/2016 ông P bà G trả được 20.000.000đ và ngày 11/6/2017 trả được 40.000.000đ. Ngoài ra không còn tài liệu chứng cứ chứng minh nào khác về việc trả tiền gốc và lãi. Phía bị đơn không thamg gia các buổi làm việc và xét xử của Tòa án nên coi như tự từ bỏ quyền chứng minh của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Từ những căn cứ và phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định ngày 24/12/2014 ông P bà G vay của bà T số tiền 100.000.000đ, đã trả được 60.000.000đ, còn nợ lại 40.000.000đ, số tiền nêu trên đã quá thời hạn trả. Hợp đồng các bên giao kết tại thời điểm Bộ luật dân sự năm 2005 có hiệu lực, nhưng sau đó các bên vẫn tiếp tục thực hiện hợp đồng trong các năm 2016 – 2017 phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 nên cần áp dụng quy định Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015. Bị

đơn không thông toán là vi phạm nghĩa vụ đối với nguyên đơn theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự.

Về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[2] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

Buộc ông Lê Tuấn P bà Nguyễn Thị B Giàu có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Thị T số tiền gốc còn lại theo giấy vay ngày 24/12/2014 là 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng).

2. Về án phí: Buộc Lê Tuấn P bà Nguyễn Thị B Giàu có nghĩa vụ liên đới chịu 2.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm. *(Nguyên đơn thuộc trường hợp miễn nộp tiền tạm ứng án phí)*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- CCTHADS huyện B;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lường Văn Tình